TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 01 - 2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chỉnh;

Bà Đỗ Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Bà Khổng Thị T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2020 về việc "Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Q định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm Đ, xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định;

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Q sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm P, xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định.

.(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn Q tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã XP cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16 tháng

7 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Q. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 10/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T đề nghị Tòa án giải Q cho anh được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Phan Văn H, sinh ngày 03/10/2003 hiện nay đang ở với chị T. Khi ly hôn chị nhận nuôi dưỡng và chăm sóc con chung vì hiện nay con chung đang ở cùng chị và được chị trực tiếp nuôi dưỡng ăn học từ nhỏ đến nay; chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không nợ gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn anh Q trình bày: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn như chị T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, bản thân anh cũng thừa nhận là cũng có quan hệ với người đàn bà khác nên không thường xuyên quan tâm đến vợ con, gia đình. Vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng tôi quay trở lại đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái, anh không nhất trí ly hôn. Trong trường hợp chị T Q tâm xin ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án giải Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T là Phan Văn H, sinh ngày 03/10/2003 hiện nay đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh xin nhận tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không nợ gì của ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, quá trình giải Q vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về việc giải Q vụ án, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử ly hôn giữa chị T và anh Q; giao con chung chưa thành niên cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 16/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã XP, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống chị T và anh Q phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; chị T nghi ngờ anh Q có quan hệ với người đàn bà khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Trong quá trình giải Q vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn Q tâm xin ly hôn, điều đó thể hiện chị T không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Phan Văn H, sinh ngày 03/10/2003. Hiện nay con chung đang ở với chị T và bố mẹ đẻ của chị T. Con chung có nguyện vọng muốn ở với mẹ, mặt khác chị T cũng có nguyện vọng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyên của chị T về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Anh Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải Q nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Văn H, sinh ngày 03/10/2003 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0001923 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã XP;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thung